

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Quy định về phân bổ kinh phí và nội dung, mức chi từ nguồn thu Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Tuyên Quang**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; khoản 2 Điều 57 Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 16 tháng 8 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 168 /TTr-SNN ngày 18 tháng 8 năm 2022 về việc ban hành Quyết định Quy định về phân bổ kinh phí và nội dung chi, mức chi từ nguồn thu Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Tuyên Quang.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định về phân bổ kinh phí và nội dung chi, mức chi từ nguồn thu Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Tuyên Quang cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã), Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện), Quỹ phòng chống thiên tai tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Quỹ cấp tỉnh) để tổ chức triển khai, thực hiện các nhiệm vụ về công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh.

#### 2. Đối tượng áp dụng:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Quỹ cấp tỉnh.

b) Cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc phân bổ kinh phí, thực hiện các nội dung chi từ nguồn thu Quỹ cấp tỉnh.

## **Điều 2. Quy định phân bổ kinh phí được quản lý, sử dụng nguồn thu từ Quỹ cấp tỉnh**

1. Ủy ban nhân dân cấp xã được quản lý và sử dụng 28% số thu trên địa bàn. Số tiền thu Quỹ còn lại 72% số thu trên địa bàn nộp vào tài khoản Quỹ tại cấp huyện do Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện được quản lý và sử dụng 23% số thu trên địa bàn (bao gồm cả số thu của cấp xã). Số tiền thu Quỹ còn lại 77% nộp vào tài khoản của Quỹ cấp tỉnh.

## **Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ**

1. Các cơ quan, đơn vị chủ động sử dụng các nguồn lực tại chỗ để thực hiện các hoạt động về phòng, chống thiên tai, trường hợp vượt quá khả năng cân đối của nguồn kinh phí được Quỹ cấp tỉnh phân bổ (đối với Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện); vượt quá nguồn dự phòng ngân sách được cấp, báo cáo, đề xuất Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp trên để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét hỗ trợ.

2. Ưu tiên hỗ trợ dân sinh, phục hồi sản xuất và khắc phục khẩn cấp công trình phòng, chống thiên tai đảm bảo hiệu quả, công khai, minh bạch, đúng đối tượng.

3. Đối với kinh phí Quỹ được phân bổ tại cấp xã, cấp huyện: Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cùng cấp có trách nhiệm tổ chức thẩm định nội dung chi, mức chi và báo cáo, đề xuất với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét quyết định hỗ trợ; căn cứ tình hình thiệt hại và nguồn kinh phí được phân bổ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định nội dung chi, mức chi hỗ trợ đến các đối tượng bị thiệt hại theo Quyết định này.

4. Đối với Quỹ cấp tỉnh: Cơ quan quản lý Quỹ (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) có trách nhiệm tổng hợp nhu cầu cứu trợ, hỗ trợ trên địa bàn tỉnh trình Hội đồng quản lý Quỹ thẩm định nội dung chi, mức chi và báo cáo, đề xuất Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định hỗ trợ. Trường hợp vượt quá khả năng kinh phí của Quỹ cấp tỉnh, Cơ quan quản lý Quỹ báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sử dụng nguồn kinh phí hợp pháp khác để hỗ trợ.

5. Mức chi cho các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định này là mức chi tối đa. Hằng năm căn cứ vào tình hình thực tế và kế hoạch thu, chi của Quỹ, Hội đồng quản lý Quỹ báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ đối với các nội dung và mức chi nhưng không vượt quá khả năng cân đối của nguồn kinh phí Quỹ.

#### **Điều 4. Nội dung, mức chi**

1. Mức hỗ trợ các nội dung theo quy định tại khoản 1, Điều 16, Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai.

2. Mức hỗ trợ thù lao cho lực lượng trực tiếp thu trên địa bàn cấp xã và chi phí hành chính phát sinh, quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ.

*(Có biểu chi tiết kèm theo).*

#### **Điều 5. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09 tháng 10 năm 2022 và thay thế Quyết định số 15/2020/QĐ-UBND ngày 27/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Quy chế hoạt động, nội dung chi, mức chi, quản lý, sử dụng Quỹ Phòng, chống thiên tai; Phân cấp và giao Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã sử dụng Quỹ phòng chống thiên tai tỉnh Tuyên Quang.

2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu để áp dụng tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Trưởng Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Tuyên Quang; Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Tuyên Quang; các Giám đốc Sở: Tài chính; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Tuyên Quang; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Chỉ đạo QG về PCTT;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Tổng cục Phòng, chống thiên tai;
- Cục K.tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Sở Tư pháp;
- Hội đồng Quản lý Quỹ;
- HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Báo Tuyên Quang, Đài PTTH tỉnh;
- Như Điều 3 (thực hiện);
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Phòng Tin học, Công báo - Kiểm soát TTHC;
- Chuyên viên NLN, TL, VT;

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thế Giang**





# NỘI DUNG CHI, MỨC CHI QUỸ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI TỈNH TUYỀN QUANG

(Kèm theo Quyết định số: /2022/QĐ-UBND ngày / 9 /2022 của UBND tỉnh Tuyên Quang)

Số TT	Nội dung	ĐVT	Mức chi	Căn cứ hỗ trợ
<b>I</b>	<b>Chi hỗ trợ các hoạt động phòng chống thiên tai</b>			
<b>1</b>	<b>Hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai</b>			
1.1	Sơ tán dân khỏi nơi nguy hiểm	đồng/người/ lần	100.000	Căn cứ phát sinh thực tế, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã phê duyệt mức hỗ trợ cụ thể phù hợp với thực tế và khả năng của Quỹ
1.2	Chăm sóc y tế, thực phẩm, nước uống cho người dân nơi sơ tán	đồng/người/ ngày	60.000	Thuốc y tế: 10.000 đồng/người/ngày; nước uống: 10.000 đồng/người/ngày; thực phẩm: 40.000 đồng/người/ngày
1.3	Tuần tra, kiểm tra phát hiện khu vực có nguy cơ xảy ra rủi ro thiên tai, sự cố công trình phòng, chống thiên tai đối với người không hưởng lương từ Ngân sách Nhà nước; Hỗ trợ cho lực lượng được huy động tham gia ứng phó thiên tai đối với người không hưởng lương từ Ngân sách Nhà nước	đồng/người/ ngày	120.000	Mức hỗ trợ thực hiện theo khoản 1 Điều 33 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phòng, chống thiên tai
<b>2</b>	<b>Cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai</b>			
2.1	Cứu trợ khẩn cấp về lương thực (thời gian cứu trợ không quá 03 tháng)	kg gạo/ người/tháng	15kg	Mức hỗ trợ thực hiện theo khoản 1 Điều 12 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội
2.2	Cứu trợ khẩn cấp về nước uống, thuốc chữa bệnh, sách vở, phương tiện học tập và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do thiên tai	đồng/người/ đợt thiên tai	200.000	Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi thực tế hợp pháp, tối đa 200.000 đ/người/đợt
2.3	Hỗ trợ tu sửa nhà ở (chỉ tính nhà ở chính)			Người dân, hộ gia đình có nhà bị thiệt hại thuộc đối tượng bảo trợ xã hội thực hiện hỗ trợ theo quy định Nghị định 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ; trường hợp không thuộc đối tượng bảo trợ xã hội thực hiện hỗ trợ theo mức của quy định này
-	Hỗ trợ nhà bị đổ, sập trôi, hư hỏng do thiệt hại hoàn toàn (bị hư hỏng trên 70%)	đồng/nhà/hộ	20.000.000	
-	Hỗ trợ tu sửa nhà bị hư hỏng thiệt hại rất nặng (bị hư hỏng từ trên 50-70%).	đồng/nhà/hộ	10.000.000	

-	Hỗ trợ tu sửa nhà bị hư hỏng thiệt hại nặng (bị hư hỏng từ 30-50%).	đồng/nhà/hộ	5.000.000	
2.4	Hỗ trợ tu sửa các công trình bị thiệt hại do thiên tai, bao gồm: Cơ sở y tế, trường học, nhà kết hợp làm địa điểm sơ tán phòng tránh thiên tai.	đồng/Công trình	300.000.000	Căn cứ vào tình hình thiệt hại và dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng không quá 300 triệu đồng
2.5	Hỗ trợ khẩn cấp xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai	đồng/xã	10.000.000	Hỗ trợ hóa chất khử trùng 6.000.000 đ; hỗ trợ vệ sinh, chôn hủy xác động vật chết.. 4.000.000 đồng
2.6	Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai	đồng/con, ha tai	Theo dự toán được duyệt	Mức chi hỗ trợ theo quy định của Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh
2.7	Hỗ trợ tháo bỏ hạng mục, vật cản gây nguy cơ rủi ro thiên tai;	đồng/công trình	300.000.000	Căn cứ vào tình hình thiệt hại và dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng không quá 300 triệu đồng
2.8	Hỗ trợ xử lý đảm bảo giao thông thông suốt cho những đoạn tuyến giao thông đường bộ quan trọng trên địa bàn bị sụt trượt, sạt lở;	đồng/công trình	500.000.000	Quý thực hiện hỗ trợ kinh phí để trước mắt đảm bảo giao thông thông suốt; Căn cứ vào tình hình thiệt hại và dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng không quá 500 triệu đồng, về lâu dài đề nghị bố từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác để khắc phục
2.9	Kinh phí tu sửa, xử lý và xây dựng khẩn cấp công trình phòng, chống thiên tai	đồng/công trình	3.000.000.000	Mức hỗ trợ theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Luật Phòng, chống thiên tai (sửa đổi, bổ sung ngày 17/6/2020) và Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/08/2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai
<b>3</b>	<b>Hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa thiên tai</b>			
3.1	Thông tin, truyền thông và giáo dục về	đồng/năm	30.000.000	Mức chi theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt
3.2	Lập, rà soát kế hoạch phòng, chống thiên tai và phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai hàng năm cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	đồng/kế hoạch, phương án	Mức chi theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt	

3.3	Hỗ trợ sắp xếp, di chuyển dân cư ra khỏi vùng thiên tai, nguy hiểm	đồng/hộ	10.000.000	Thực hiện hỗ trợ các đối tượng không thuộc Chương trình Bồi trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030
3.4	Phổ biến, tuyên truyền, giáo dục, tổ chức tập huấn, nâng cao nhận thức cho các lực lượng tham gia công tác phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương và cộng đồng	đồng/lớp	30.000.000	mỗi năm tổ chức không quá 02 lớp, mỗi lớp tối đa không quá 30 triệu đồng; Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 06/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định chế độ chi công tác phí, chế độ chi hội nghị, chế độ chi tiếp khách áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang
3.5	Hỗ trợ diễn tập phòng, chống thiên tai ở các cấp	đồng/cuộc	Mức chi theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Căn cứ dự toán được duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã phê duyệt mức hỗ trợ cụ thể phù hợp với thực tế và khả năng của Quỹ PCTT
3.6	Hỗ trợ mua bảo hiểm rủi ro thiên tai cho đối tượng tham gia lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã	đồng/người	Theo dự toán được duyệt	Căn cứ phát sinh thực tế, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã phê duyệt mức hỗ trợ cụ thể phù hợp với thực tế và khả năng của Quỹ
3.7	Tập huấn cho các đối tượng tham gia hộ đê, lực lượng quản lý đê nhân dân, lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã, tình nguyện viên phòng, chống thiên tai	đồng/năm	30.000.000	mỗi năm tổ chức không quá 02 lớp, mỗi lớp tối đa không quá 30 triệu đồng; Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 06/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định chế độ chi công tác phí, chế độ chi hội nghị, chế độ chi tiếp khách áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang
3.8	Hỗ trợ xây dựng công cụ, phần mềm, quan trắc, thông tin dự báo, cảnh báo thiên tai tại cộng đồng	đồng	Theo dự toán được duyệt	Căn cứ tiêu chuẩn theo quy định tại Quyết định số 23/2021/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND tỉnh về quy định tiêu chuẩn định mức sử dụng vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng chống thiên tai thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã phê duyệt mức hỗ trợ cụ thể phù hợp với thực tế và khả năng của Quỹ PCTT
3.9	Hỗ trợ mua sắm, đầu tư phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống thiên tai theo quy định	đồng	Theo dự toán được duyệt	Căn cứ tiêu chuẩn theo quy định tại Quyết định số 23/2021/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND tỉnh về quy định tiêu chuẩn định mức sử dụng vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng chống thiên tai thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã phê duyệt mức hỗ trợ cụ thể phù hợp với thực tế và khả năng của Quỹ PCTT
<b>II</b>	<b>Hỗ trợ thù lao cho lực lượng trực tiếp thu trên địa bàn cấp xã và chi phí hành chính phát sinh, thu, quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ</b>			
1	Hỗ trợ thù lao cho lực lượng trực tiếp thu trên địa bàn Ủy ban nhân dân cấp xã	đồng	5% số thu trên địa bàn	Căn cứ kinh phí thu Quỹ trên địa bàn xã thực hiện chi theo thực tế
2	Chi phí hành chính phát sinh trong quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ (Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Quỹ cấp tỉnh)	đồng	3% số thu trên địa bàn	Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 06/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định chế độ chi công tác phí, chế độ chi hội nghị, chế độ chi tiếp khách áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang và các văn bản có liên quan



3	Chi thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai tại Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với nguồn kinh phí được Quỹ cấp tỉnh phân bổ.	đồng	20% số thu trên địa bàn	Thực hiện chi theo các nội dung quy định tại Mục I nêu trên
---	---	------	-------------------------	---